

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **423/2022/HSST**
Ngày: 20-09-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Diệp
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Như Nền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 336/2021/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Thị Thu T (tên gọi khác: T mát) sinh năm 1994, tại T; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh B1; Nơi ở hiện nay: Tổ 22E, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Lê Quang T1, sinh năm 1971; Họ tên mẹ: Hà Thị Thu T2, sinh năm 1970; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Từ năm 2013 đến 2014, bị cáo sống chung như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) với anh Nguyễn Huy C, có 01 con chung sinh năm 2014; Từ năm 2015 đến 2016, bị cáo sống chung như vợ chồng (không đăng ký kết hôn với anh Lê D, có 01 con chung sinh năm 2016; Từ năm 2017 đến 27/6/2022, bị cáo sống chung như vợ chồng (không đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đình V, có 02 con chung sinh năm 2017 và 2019 ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 05/4/2017. Ngày 14/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra Quyết định hủy bỏ tạm giữ. Ngày 27/6/2022, bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, chuyển tạm giam theo Lệnh số 5446 ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang giam giữ tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa– Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị Thu T là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 02/4/2017, bị cáo T đến khu vực khu du lịch Suối Tiên, thuộc thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh mua của một người thanh niên tên T3 (chưa rõ lai lịch) 01 (một) gói ma túy tổng hợp, với giá 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng), bị cáo đã sử dụng một phần ma túy. Đến 21 giờ 30 phút ngày 05/4/2017, bị cáo T mang gói ma túy nêu trên (chưa sử dụng hết) đến thuê phòng số 213, Nhà nghỉ “H” thuộc khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ chia thành 05 (năm) gói nhỏ để sử dụng. Bị cáo cất giấu 01 (một) gói ma túy trên giường ngủ phòng 213 và 04 (bốn) gói ma túy trên nền phòng 213 nơi bị cáo thuê ở. Đến 23 giờ cùng ngày thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, do bị cáo Lê Thị Thu T đang có thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi, ngày 14/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra Quyết định hủy bỏ tạm giữ đối với bị cáo T và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong giai đoạn truy tố, bị cáo đã bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa ra Quyết định truy nã. Đến ngày 27/6/2022, bị cáo bị Công an phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa bắt theo Quyết định truy nã. Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

*Tang vật, tài sản thu giữ gồm:

- 01 (một) gói nilon hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng được thu giữ trên giường ngủ phòng số 213- nhà nghỉ H (nơi bị cáo T đang ngồi) và 04 (bốn) gói nilon hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng được thu giữ trên nền phòng số 213, nhà nghỉ H (nơi bị cáo T thuê ở), bị cáo khai là ma túy tổng hợp của bị cáo, đã được niêm phong có chữ ký của bị cáo T và dấu mộc của Công an phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa (ký hiệu M).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số imel 356261017131259, số thuê bao 0901.999.719 là tài sản của bị cáo Lê Thị Thu T không liên quan đến vụ án.

*Tại kết luận giám định số 116/PC54-GĐMT ngày 13-4-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

“Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M được niêm phong gửi đến giám định có trọng lượng là: **2,6194 gam, loại Methamphetamine**. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ”.

Tại cáo trạng số 351/CT-VKSBH ngày 28 tháng 7 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lê Thị Thu T, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị

cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự; khi phạm tội đang có thai. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T không có tình tiết nặng nề trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể, vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/4/2017, tại nhà nghỉ “H”, thuộc phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai bị cáo T bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Biên Hoà kiểm tra, phát hiện bắt quả tang bị cáo đang cất giấu 01 gói ma túy để trên giường ngủ tại phòng 213 và 04 gói ma túy để trên nền nhà tại phòng 213 nơi bị cáo đang thuê để ở. Bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng là **2,6194gam**, loại: **Methamphetamine**.

[3] Về tội danh: Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào thời gian 5/4/2017, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà khởi tố bị cáo hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Trong thời gian tại ngoại để điều tra, truy tố bị cáo T đã bỏ trốn đến ngày 30/6/2022 bị bắt theo lệnh truy nã. Do vậy, áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, về nguyên tắc áp dụng có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giải quyết.

Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Nên cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo đang mang thai. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với các tình tiết giảm nhẹ trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại nghiện chất ma túy, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia do không liên quan đến vụ án.

[9] Đối với đối tượng tên T3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi bán ma túy cho bị cáo T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Thu T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu T** 02 (hai) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt truy nã ngày 27/6/2022 (trừ đi thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 05/4/2017 đến ngày 14/4/2017).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia không liên quan đến vụ án (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị Thu T phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp